Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN
Giờ ký: 2026-08-06T10:09:24.4805895+07:00
Địa điểm:
Lý do:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2026/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân

tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng kinh phí để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu; ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, các phường An toàn khu và phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý và tổ chức thực hiện

Chương trình theo quy định của pháp luật; đề cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình, nhất là cấp cơ sở, nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý đầu tư, sử dụng nguồn lực và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình trên cơ sở bám sát mục tiêu, định hướng, lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện và tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, từng vùng.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ linh hoạt, kịp thời điều chỉnh giữa các địa phương để bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng mục tiêu; ưu tiên các địa phương có nhu cầu và có khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trong năm kế hoạch.

6. Tổng vốn đối ứng ngân sách của tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm mức quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số xã theo phân loại khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu và số xã còn lại của tỉnh, với hệ số như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 1;

b) Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã An toàn khu: Hệ số 50;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 40;

d) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 30;

đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng

với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Ưu tiên các xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao, với hệ số như sau:

a) Xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 10% trở lên: Hệ số 10;

b) Xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 5% đến dưới 10%: Hệ số 8;

c) Xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 1% đến dưới 5%: Hệ số 4;

d) Xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dưới 1%: Hệ số 0.

3. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo diện tích tự nhiên

Ưu tiên các xã có diện tích tự nhiên lớn nhằm bảo đảm nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, với hệ số như sau:

a) Xã có diện tích từ 100 km^2 trở lên: Hệ số 10;

b) Xã có diện tích từ 70 km^2 đến dưới 100 km^2: Hệ số 8;

c) Xã có diện tích từ 40 km^2 đến dưới 70 km^2: Hệ số 6;

d) Xã có diện tích dưới 40 km^2: Hệ số 4.

4. Phương pháp xác định mức phân bổ ngân sách trung ương cho các xã

a) Xác định tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của từng xã

Tổng điểm phân bổ của từng xã được xác định theo tiêu chí số lượng thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã và hệ số phân bổ của xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này, theo công thức:

$$\text{Tổng điểm phân bổ của xã} = (1 \times \text{số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã}) + \text{Tổng hệ số phân bổ của xã}$$

b) Xác định tổng điểm phân bổ ngân sách trung ương của toàn tỉnh: Tổng điểm phân bổ ngân sách trung ương của toàn tỉnh bằng tổng điểm phân bổ của tất cả các xã trên địa bàn tỉnh.

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ theo công thức sau:

$$\text{Giá trị của một (01) điểm phân bổ ngân sách trung ương} = \frac{\text{Tổng vốn ngân sách trung ương bố trí các xã}}{\text{Tổng điểm phân bổ ngân sách trung ương của toàn tỉnh}}$$

d) Xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã được xác định như sau:

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã	=	Tổng điểm phân bổ ngân sách trung ương của xã	x	Giá trị của một (01) điểm phân bổ ngân sách trung ương

5. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng xã của tỉnh được xác định theo Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

b) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2026-2030;

c) Số lượng xã An toàn khu được xác định theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc công bố xã An toàn khu II (ATKII) của trung ương ở tỉnh Bắc Ninh;

d) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025;

đ) Quy mô diện tích của các xã được xác định theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Giang năm 2025 và Nghị quyết số 556/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc tán thành chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc xác định số liệu được thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Tiêu chí, hệ số hỗ trợ các xã

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết này. Đồng thời, ưu tiên hỗ trợ các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tập trung hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 với hệ số như sau:

a) Xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới (theo phân loại nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới):

Xã nhóm 1: Hệ số 10;

Xã nhóm 2: Hệ số 15;

Xã nhóm 3: Hệ số 20.

b) Xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được hỗ trợ cho xã để đạt chuẩn nông thôn mới): Hệ số 30.

2. Tiêu chí, hệ số hỗ trợ các phường

Hỗ trợ phường An toàn khu và phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện các chính sách giảm nghèo và phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (các phường còn lại chủ động bố trí vốn ngân sách phường, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động nguồn lực hợp pháp khác thực hiện Chương trình) với tiêu chí, hệ số như sau:

a) Phường An toàn khu: Hệ số 30;

b) Phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 20;

c) Phường còn lại: Hệ số 0.

3. Phương pháp xác định mức phân bổ ngân sách tỉnh cho các xã, phường

a) Xác định tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của từng xã, phường:

Tổng điểm phân bổ của từng xã, phường được xác định theo tiêu chí số lượng thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã và hệ số của xã, phường theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, theo công thức:

$$\text{Tổng điểm phân bổ của xã, phường} = (1 \times \text{số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã}) + \text{Tổng hệ số phân bổ của xã, phường}$$

b) Xác định tổng điểm phân bổ ngân sách tỉnh (toàn tỉnh): Tổng điểm phân bổ ngân sách tỉnh bằng tổng điểm phân bổ của tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ, theo công thức sau:

$$\text{Giá trị của một (01) điểm phân bổ ngân sách tỉnh} = \frac{\text{Tổng vốn ngân sách tỉnh bố trí các xã, phường}}{\text{Tổng điểm phân bổ ngân sách tỉnh của toàn tỉnh}}$$

d) Xác định mức vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng xã, phường:

Mức vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho xã, phường được xác định như sau:

$$\text{Mức vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho xã, phường} = \text{Tổng điểm phân bổ ngân sách tỉnh của xã, phường} \times \text{Giá trị của một (01) điểm phân bổ ngân sách tỉnh}$$

4. Căn cứ xác định số liệu:

a) Danh sách phân loại nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới được xác định theo Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Phê duyệt danh sách phân loại nhóm xã thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030;

b) Danh sách xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Số lượng phường khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

d) Số lượng phường An toàn khu theo quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc công nhận xã An toàn khu thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Trường hợp các văn bản quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc xác định số liệu được thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

5. Ngoài nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, các xã, phường chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch.

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn cho Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Vốn ngân sách nhà nước bố trí cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách trung ương hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của Sở, ban, ngành cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Sở, ban, ngành cấp tỉnh;

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 7. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung của Chương trình

1. Vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh được phân bổ theo hướng ưu tiên cho cấp xã, trong đó:

a) Phân bổ tối thiểu 90% nguồn vốn đầu tư phát triển cho cấp xã; phân bổ không quá 10% vốn đầu tư phát triển còn lại (cho các sở, ban, ngành tỉnh hoặc các xã) để đầu tư các công trình hạ tầng liên xã, công trình có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Phân bổ tối thiểu 90% nguồn vốn sự nghiệp cho cấp xã; số vốn sự nghiệp còn lại (tối đa 10%) phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện các nội dung của Chương trình.

2. Ngân sách tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trên địa bàn, bảo đảm nguyên tắc tại Điều 3 Nghị quyết này; tiêu chí phân bổ vốn ngân sách thực hiện theo tiêu chí, hệ số tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 8. Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn thực hiện Chương trình

Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, kinh phí chi thường xuyên vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng) chi tiết đến nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi và danh mục dự án đầu tư công của Chương trình phân cấp cho cấp xã quản lý, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nội dung thành phần của Chương trình trên địa bàn; báo cáo kết quả phân bổ về Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chủ chương trình, Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật đảm bảo công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương phù hợp, cùng với nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và các nguồn lực huy động hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc đề xuất danh mục dự án, nhiệm vụ; phê

duyệt chủ trương, dự án thuộc thẩm quyền bảo đảm sử dụng nguồn lực hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường không có nhu cầu sử dụng vốn hoặc sử dụng vốn không hiệu quả thì có văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn, gửi cơ quan chủ quản Chương trình để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, phân bổ nguồn vốn cho các địa phương khác có nhu cầu; ưu tiên các xã trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại trong năm kế hoạch nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn được giao.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Việt Oanh